TÒA ÁN NHÂN ÁN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NNH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 39/2018/QĐST- HNGĐ	***Yên Mô, ngày 26 tháng 6 năm 2018***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 37/2018/TLST/HNGĐ ngày 30/5//2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Tạ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Tạ Trần Trung D, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D thành niên. Anh Tạ Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu Tạ Trần Trung D thành niên.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu D được chung sống với chị H, anh T có quyền được thăm nom, chăm sãc con chung. Chị H và các thành viên trong gia

đình không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền anh T chậm trả thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị H và anh Tạ Văn T đều xác nhận vợ chông không có tài sản chung, không nợ ai và cũng hông cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị H nộp toàn bộ án phí dân sự sp thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một Trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002019 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn trả lại cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng anh Thắng phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngườ được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Yên Mô*
- *Phòng KTNV;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Mô*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Khánh Thượng*
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị H